

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/DS-ST
Ngày 16-9-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2023/TLST- DS, ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N – Phó Giám đốc Ngân hàng N- Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 09/11/2023) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2023 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để trồng mía và gia cố bờ bao ông Lê Văn B và Ngân hàng N– Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng có ký hợp đồng tín dụng số

7613-LAV-201701628 ngày 18/8/2017 với số tiền cho vay tối đa là 150.000.000 đồng. Kèm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 90/HĐTC ngày 25/6/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2017/HĐTC ngày 17/8/2017 đã ký giữa Ngân hàng N– Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng với ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Y để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên.

- Ngày 18/8/2017, ông Lê Văn B đã nhận tiền vay là 150.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201701628 ngày 18/8/2017 kèm phụ lục theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/8/2022. Lãi suất 12,00%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay, trả nợ theo phân kỳ: Ngày 15/8/2018 trả gốc 25.000.000 đồng và lãi phát sinh. Ngày 15/8/2019 trả gốc 25.000.000 đồng và lãi phát sinh. Ngày 15/8/2020 trả gốc 25.000.000 đồng và lãi phát sinh. Ngày 15/8/2021 trả gốc 25.000.000 đồng và lãi phát sinh. Ngày 15/8/2022 trả gốc 50.000.000 đồng và lãi phát sinh. Đến ngày 09/11/2023, ông Lê Văn B không trả nợ theo đúng hợp đồng. Số tiền còn nợ gốc và lãi là: Gốc: 150.000.000 đồng; lãi trong hạn: 113.700.000 đồng; lãi quá hạn; 47.800.000 đồng. Cộng nợ gốc, lãi là: 311.500.000 đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng buộc ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y có trách nhiệm liên đới hoàn trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh tại hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201701628 ngày 18/8/2017 cho Ngân hàng N, tạm tính đến ngày 09/11/2023 tổng cộng nợ gốc, lãi là 311.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y trả tất nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng N đề nghị phát mãi tài sản của ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y là quyền sử dụng đất số BQ 708299, có diện tích 14.326 m², thuộc thửa số 478, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 05/02/2014, số vào sổ CH00430 để trả nợ vay cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Bị đơn ông Lê Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện C, nên ông B, bà Y đã biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, nhưng ông B, bà Y không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng N.

Tòa án nhân dân huyện C đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y tham gia phiên họp hai lần hợp lệ, nhưng ông B, bà Y vắng mặt không có lý do và ông B, bà Y cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu ông B, bà Y trả số tiền gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 129.150.000 đồng, tiền lãi quá hạn 55.525.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/9/2024 cho đến ngày ông B, bà Y trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Y, không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng N- Chi nhánh huyện C, đề nghị Tòa án phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất số BQ 708299, diện tích 14.326 m², thửa số 478, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 05/02/2014, số vào sổ CH00430 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 90/HĐTC ngày 25/6/2014 giữa Ngân hàng N- Chi nhánh huyện C với ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y để Ngân hàng thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2023 của Ngân hàng N (tổ chức có đăng ký kinh doanh) yêu cầu bị đơn ông Lê Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y (cá nhân không có đăng ký kinh doanh) trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là để trồng mía và gia cố bờ bao. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Điều 471 của Bộ luật Dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[1.3] Bị đơn trong vụ án là ông Lê Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà Y.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền vay gốc trong hợp đồng, Ngân hàng N yêu cầu ông B, bà Y chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày 16/9/2024, tiền lãi trong hạn 129.150.000 đồng, tiền lãi quá hạn 55.525.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/9/2024 cho đến ngày ông B, bà Y trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông B, bà Y không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì yêu cầu xử lý phát mại tài sản mà ông B, bà Y đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 90/HĐTC ngày 25/6/2014 giữa Ngân hàng N với ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Y để Ngân hàng thu hồi nợ.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án người diện hợp pháp của nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ thể hiện Ngân hàng N có hợp đồng cho ông Lê Văn B vay tiền theo hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201701628, ngày 18/8/2017 và có việc ông B, bà Y thế chấp tài sản để bảo đảm cho hợp đồng vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 90/HĐTC, ngày 25/6/2014. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện Ngân hàng N không cần phải chứng minh.

[2.3] Về yêu cầu trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201701628 ngày 18/8/2017 của Ngân hàng N:

Vào ngày 18/8/2017, Ngân hàng N có hợp đồng cho ông Lê Văn B vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay để trồng mía và gia cố bờ bao, lãi suất vay 12,00%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất vay, trả nợ theo phân kỳ, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/8/2022 theo hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201701628 ngày 18/8/2017 giữa Ngân hàng N với ông B. Sau khi hợp đồng đến hạn trả tiền gốc và lãi ông B không trả theo hợp đồng. Trong hợp đồng tín dụng này ông B còn nợ Ngân hàng N số tiền gốc 150.000.000 đồng; lãi trong hạn 129.150.000 đồng; lãi quá hạn 55.525.000 đồng; tổng cộng gốc và lãi là 334.675.000 đồng.

Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Ông B trực tiếp ký hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201701628 ngày 18/8/2017, hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 401, Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng N đã giải ngân cho ông B nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng, cho nên có đủ căn cứ xác định hợp đồng tín dụng này có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký.

Về mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Xét về lỗi: Ông B, bà Y thực hiện không đúng nghĩa vụ theo giao kết của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, vì vậy ông B, bà Y là bên có lỗi và là bên vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông B, bà Y chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 16/9/2024 là đồng, tổng cộng là 184.675.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông B, bà Y trả hết nợ cho Ngân hàng.

[2.4] Về yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 90/HĐTC ngày 25/6/2014 của Ngân hàng N:

Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y thế chấp cho Ngân hàng N quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có tổng diện tích 14.326 m², thuộc thửa đất số 478, tờ bản đồ số 8, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 708299 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 05/02/2014 cho ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 90/HĐTC ngày 25/6/2014 giữa Ngân hàng N– Chi nhánh huyện C với ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y.

Xét thấy: Ông B, bà Y trực tiếp ký hợp đồng thế chấp bất động sản, hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng phù hợp theo quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 500 và Điều 502 của Bộ luật Dân sự, Điều 166 và Điều 167 của Luật đất đai, nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký. Theo thỏa thuận của các bên trong trường hợp dẫn đến phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thì toàn bộ số tiền thu được ông B, bà Y đồng ý thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ còn lại cho Ngân hàng N. Nghĩa vụ trả nợ còn lại của ông B, bà Y bao gồm tất cả các nghĩa vụ trả nợ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng, văn bản thỏa thuận, cam kết khác có liên quan mà ông B, bà Y đã và sẽ ký kết với Ngân hàng N. Vì vậy, việc Ngân hàng N yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp khi ông B, bà Y không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 103, Điều 299, Điều 320, Điều 322 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng N yêu cầu ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y trả nợ: Bà Nguyễn Thị Y không trực tiếp ký hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201701628, ngày 18/8/2017, nhưng bà Y cùng ông B ký hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm cho hợp đồng vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 90/HĐTC, ngày 25/6/2014, bà Y và ông B là vợ chồng, số tiền vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên bà Y phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông B trả nợ cho Ngân hàng N theo quy định tại Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Như đã

nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 700.000 đồng, số tiền này Ngân hàng N đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số T08 ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự buộc ông B, bà Y phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 700.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.733.750 đồng; Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 103, Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 500, Điều 501 và Điều 502 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166 và Điều 188 của Luật đất đai; Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc yêu cầu ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng N.

Buộc ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 16/9/2024 là 334.675.000 đồng (*ba trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày 17/9/2024 ông B, bà Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà ông B, bà Y phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y phải tự nguyện trả số tiền nêu trên; nếu ông B, bà Y không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 90/HĐTC ngày 25/6/2014 giữa Ngân hàng N– Chi nhánh huyện C với ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Y để Ngân hàng thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Y phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*), số tiền này Ngân hàng N đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số T08 ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, buộc ông B, bà Y phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Y phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.733.750 đồng (*mười sáu triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*); Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.775.000 đồng (*bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000015 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn ông Lê Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Hường